**Câu 14.** Vận tốc máu cao nhất ở …(1)…, giảm mạnh ở …(2)… và thấp nhất ở …(3)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2), (3) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch; 2 – mao mạch; 3 – tĩnh mạch.

**B.** 1 – động mạch; 2 – tĩnh mạch; 3 – mao mạch.

**C.** 1 – tĩnh mạch; 2 – động mạch; 3 – mao mạch.

**D.** 1 – tĩnh mạch; 2 – mao mạch; 3 – động mạch.

**Câu 14.** Vận tốc máu …(1)… với tổng tiết diện của hệ mạch. Ở nơi nào có tổng tiết diện nhỏ nhất thì vận tốc máu là …(2)… và ngược lại.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – tỉ lệ thuận; 2 – nhỏ nhất. **B.** 1 – tỉ lệ thuận; 2 – lớn nhất.

**C.** 1 – tỉ lệ nghịch; 2 – nhỏ nhất. **D.** 1 – tỉ lệ nghịch; 2 – lớn nhất.

**Câu 15.** Ở các nhóm động vật có hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực …(1)…, tốc độ máu chảy …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – thấp; 2 – chậm. **B.** 1 – thấp; 2 – nhanh.

**C.** 1 – cao; 2 – chậm. **D.** 1 – cao; 2 – nhanh.

**Câu 16.** Tim bơm máu vào …(1)… theo từng đợt nhưng máu vẫn chày thành dòng liên tục trong mạch, nguyên nhân chính là do tính …(2)… của thành mạch.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – mao mạch; 2 – đàn hồi. **B.** 1 – mao mạch; 2 – liên kết.

**C.** 1 – động mạch; 2 – đàn hồi. **D.** 1 – động mạch; 2 – liên kết.

**Câu 17.** Hệ mạch của thú có đặc điểm là máu ở …(1)… và tĩnh mạch chủ …(2)… O2.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – nghèo. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – giàu.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – nghèo. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – giàu.

**Câu 18.** Máu bơm từ tâm thất phải lên …(1)… của người bình thường có đặc điểm là máu …(2)… O2.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – nghèo. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – giàu.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – nghèo. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – giàu.

**Câu 19.** Trong hệ tuần hoàn kín, máu chảy trong động mạch dưới áp lực …(1)… hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – thấp; 2 – chậm. **B.** 1 – thấp; 2 – nhanh.

**C.** 1 – cao; 2 – chậm. **D.** 1 – cao; 2 – nhanh.

**Câu 20.** Các …(1)… và tĩnh mạch từ lớn đến nhỏ đều được cấu tạo từ 3 lớp: lớp tế bào biểu bì mô …(2)…, lớp cơ và sợi đàn hồi, lớp mô liên kết.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch; 2 – dẹt. **B.** 1 – động mạch; 2 – sợi.

**C.** 1 – mao mạch; 2 – dẹt. **D.** 1 – mao mạch; 2 – sợi.

**Câu 21.** Hoạt động tim mạch được điều hòa bằng cơ chế thần kinh và thể dịch. Cơ chế thần kinh theo nguyên tắc …(1)…, cơ chế thể dịch thực hiện nhờ các …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – dẫn truyền; 2 – enzyme. **B.** 1 – phản xạ; 2 – enzyme.

**C.** 1 – dẫn truyền; 2 – hormone. **D.** 1 – phản xạ; 2 – hormone.

**Câu 22.** Hệ tuần hoàn ở đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn …(1)… vì giữa mạch đi từ tim và mạch đến các tim …(2)… mạch nối.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – hở; 2 – không có. **B.** 1 – hở; 2 – có.

**C.** 1 – kín; 2 – không có. **D.** 1 – kín; 2 – có.

**Câu 23.** Trong hệ tuần hoàn của một loài thú, tĩnh mạch chủ dẫn máu giàu …(1)… về tâm nhĩ …(2)…sau khi trao đổi khí ở tế bào.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – O2; 2 – trái. **B.** 1 – O2; 2 – phải.

**C.** 1 – CO2; 2 – trái. **D.** 1 – CO2; 2 – phải.

**Câu 24.** Trong hệ tuần hoàn của một loài thú, …(1)… dẫn máu giàu O2 khi trao đổi khí ở …(2)… về tâm nhĩ trái.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – tĩnh mạch chủ; 2 – phế nang. **B.** 1 – tĩnh mạch chủ; 2 – phổi.

**C.** 1 – tĩnh mạch phổi; 2 – phế nang. **D.** 1 – tĩnh mạch phổi; 2 – phổi.

**Câu 25.** Người mắc bệnh xơ vữa thành mạch thường bị …(1)… vì sức cản của thành mạch với dòng máu …(2)…

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – huyết áp thấp; 2 – thấp. **B.** 1 – huyết áp thấp; 2 – cao.

**C.** 1 – cao huyết áp; 2 – thấp. **D.** 1 – cao huyết áp; 2 – cao.

**Câu 26.** Trong cơ chế điều hòa tim mạch, bộ phận tiếp nhận thông tin về tim mạch là thụ thể áp lực ở cung …(1)… và thụ thể …(2)… ở xoang động mạch cảnh.

Các từ/cụm từ cần điền vào vị trí (1), (2) lần lượt là:

**A.** 1 – động mạch chủ; 2 – hóa học. **B.** 1 – động mạch chủ; 2 – sinh học.

**C.** 1 – động mạch phổi; 2 – hóa học. **D.** 1 – động mạch phổi; 2 – sinh học.

**Câu 27.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về chức năng của các tế bào máu:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Huyết tương | **a.** Tiết ra kháng thể. |
| **2.** Tiểu cầu | **b.** Giúp cân bằng nội môi. |
| **3.** Hồng cầu | **c.** Tham gia quá trình đông máu. |
| **4.** Bạch cầu | **d.** Vận chuyển chất dinh dưỡng. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-d, 2-a, 3-b, 4-c. **C.** 1-a, 2-c, 3-b, 4-d. **D.** 1-d, 2-c, 3-b, 4-a.

**Câu 28.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các mạch máu trong hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Động mạch | **a.** Mạch máu từ nhỏ đến lớn, có chức năng đưa máu từ các cơ quan về tim. |
| **2.** Mao mạch | **b.** Mạch máu từ lớn đến nhỏ, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan. |
| **3.** Tĩnh mạch | **c.** Nối động mạch nhỏ nhất với tĩnh mạch nhỏ nhất, là nơi thực hiện trao đổi chất giữa máu và tế bào cơ thể. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c. **B.** 1-c, 2-a, 3-b. **C.** 1-b, 2-c, 3-a. **D.** 1-a, 2-c, 3-b.

**Câu 29.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Hệ tuần hoàn hở | **a.** Máu chảy với áp lực thấp, tốc độ chậm. |
| **b.** Dòng máu: máu từ tim ⭢ động mạch ⭢ xoang cơ thể ⭢ tĩnh mạch ⭢ về tim. |
| **2.** Hệ tuần hoàn kín | **c.** Máu chảy với áp lực cao, tốc độ nhanh. |
| **d.** Dòng máu: máu từ tim ⭢ động mạch ⭢ mao mạch ⭢ tĩnh mạch ⭢ về tim. |

**A.** 1-cd, 2-ab. **B.** 1-ac, 2-bd. **C.** 1-bd, 2-ac. **D.** 1-ab, 2-cd.

**Câu 30.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các mạch máu trong hệ tuần hoàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Động mạch | **a.** Là các mạch máu nhỏ, nơi trao đổi chất và khí trực tiếp giữa máu và dịch mô, dẫn máu tới các tiểu tĩnh mạch. |
| **2.** Mao mạch | **b.** Dẫn máu từ tâm thất phải đến phổi và tâm thất trái tới các cơ quan, có độ đàn hồi cao. |
| **3.** Tĩnh mạch | **c.** Dẫn máu từ mao mạch phổi về tâm nhĩ trái và mao mạch cơ thể về tâm nhĩ phải. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c. **B.** 1-b, 2-a, 3-c. **C.** 1-b, 2-c, 3-a. **D.** 1-a, 2-c, 3-b.

**Câu 31.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về bộ phận tham gia điều hòa tim mạch:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Bộ phận tiếp nhận kích thích | **a.** Các dây thần kinh cảm giác. |
| **2.** Đường dẫn truyền vào | **b.** Trung khu điều hòa tim mạch ở hành não. |
| **3.** Đường dẫn truyền ra | **c.** Các bộ phân của tim mạch hoặc hệ nội tiết. |
| **4.** Bộ phận phân tích, điều khiển | **d.** Các dây thần kinh giao cảm hoặc đối giao cảm. |
| **5.** Bộ phận thực hiện | **e.** Thụ thể áp lực hoặc thụ thể hóa học ở động mạch. |

**A.** 1-e, 2-a, 3-d, 4-b, 5-c. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-e, 5-c. **C.** 1-b, 2-c, 3-e, 4-b, 5-a. **D.** 1-e, 2-c, 3-b, 4-d, 5-a.

**Câu 32.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về các nhóm động vật:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Cá | **a.** Tim có 2 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O2). |
| **2.** Bò sát | **b.** Tim có 3 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu pha. |
| **3.** Lưỡng cư | **c.** Tim có 4 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O2). |
| **4.** Chim và thú | **d.** Tim có 4 ngăn, vách ngăn tâm thất hụt, máu đi nuôi cơ thể là máu pha. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-c, 3-a, 4-d. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c.

**Câu 33.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về chức năng của các ngăn tim:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Tâm nhĩ phải | **a.** Nhận máu giàu O2 từ tĩnh mạch phổi bơm vào tâm thất. |
| **2.** Tâm thấy phải | **b.** Nhận máu giàu CO2 từ tĩnh mạch chủ bơm vào tâm thất. |
| **3.** Tâm nhĩ trái | **c.** Nhận máu từ tâm nhĩ bơm vào động mạch chủ nuôi cơ thể. |
| **4.** Tâm nhĩ phải | **d.** Nhận máu từ tâm nhĩ bơm vào động mạch phổi trao đổi chất. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-d, 3-a, 4-c. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c.

**Câu 34.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về vai trò của các van tim:

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** Van động mạch phổi | **a.** Ngăn máu từ tâm thất trái chảy ngược vào tâm nhĩ phải. |
| **2.** Van động mạch chủ | **b.** Ngăn máu từ động mạch phổi chảy ngược vào tâm thất phải. |
| **3.** Van 2 lá | **c.** Ngăn máu từ tâm thất phải chảy ngược vào tâm nhĩ phải. |
| **4.** Van 3 lá | **d.** Ngăn máu từ động mạch chủ chảy ngược vào tâm thất trái. |

**A.** 1-a, 2-b, 3-c, 4-d. **B.** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c. **C.** 1-b, 2-d, 3-a, 4-c. **D.** 1-a, 2-d, 3-b, 4-c.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com